

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2021

V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

2. Ông Vũ Tiến Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số nhà x, tổ y, đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Khổng Vũ Q**, sinh năm 1995;

Đăng ký hộ khẩu thường trú : Số nhà r, tổ z, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Số nhà c, ngõ b, đường T, tổ v, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh Q đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Khổng Vũ Q tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại số nhà 02, tổ 2, ngõ 50, đường Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhưng chỉ được khoảng 5 tháng là phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tuổi còn trẻ, kết hôn vội vàng nên không hiểu hết tình cách của nhau. Anh Q liên tục vắng nhà, hay tụ tập bạn bè chơi bời nên vợ chồng thường xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Đến tháng 01/2021 do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân, anh Q về nhà bố mẹ đẻ số nhà 09, ngõ 131, đường Trần Hưng Đạo, tổ 6, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ở từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên có hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Khổng Gia M, sinh ngày 29/11/2017 và Khổng Minh T, sinh ngày 07/12/2020 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Hiện nay chị đang làm việc tại Công ty Phong Shin ở khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thu nhập 7.000.000 đồng/1 tháng, chị có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc nuôi con. Chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 3.000.000 đồng/1 tháng.

Về phần tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Khổng Vũ Q ngày 17/6/2021 thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Vợ chồng chung sống đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về cách sống tình cảm và kinh tế. Đến tháng 01/2021 do mâu

thuần căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh Q về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến nay chị T xin ly hôn, anh Q đề nghị Tòa án để anh và chị T bàn bạc thống nhất sau. Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị T trình bày. Hiện nay hai con đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung 3.000.000 đồng/tháng/02 con. Về tài sản: anh và chị T không có tài sản chung, không cho ai vay chung, không nợ chung ai tài sản gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai của bà Trần Thị Lơ, là mẹ đẻ chị T thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình 2 bên đã hòa giải nhưng vợ chồng chị T, anh Q không đoàn tụ được. Đến nay chị T, anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật. Chị T có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi hai con. Gia đình bà sẽ hỗ trợ chị T trong việc trông nom, chăm sóc con chung. Về tài sản chung: chị T, anh Q không có tài sản chung; chị T, anh Q không có vay nợ gì đối với gia đình bà. Theo bà biết thì vợ chồng không có vay nợ gì của ai, không cho ai vay nợ chung tài sản gì.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về Q và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành các quy định về Q và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Khổng Vũ Q. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Khổng Gia M, sinh ngày 29/11/2017 và Khổng Minh T, sinh ngày 07/12/2020. Anh Khổng Vũ Q cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/ 01 tháng/02 con kể từ tháng 8/2021 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm Q giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm Q giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa án. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh Q.

[3.2] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng chị T, anh Q có 02 con chung là Khổng Gia M, sinh ngày 29/11/2017 và Khổng Minh T, sinh ngày 07/12/2020 hiện đang ở với chị T. Chị T có việc làm và thu nhập ổn định, có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc nuôi con nên cần chấp nhận ý kiến của chị T và anh Q, giao cho chị T trực tiếp nuôi cả hai con chung, anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 3.000.000 đồng/1 tháng/02 con kể từ tháng 8/2021 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

[3.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Không Vũ Q.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Không Gia M, sinh ngày 29/11/2017 và Không Minh T, sinh ngày 07/12/2020. Anh Không Vũ Q góp cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 3.000.000 đồng/02 con/01 tháng kể từ tháng 8/2021 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Anh Không Vũ Q có Q và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Không Vũ Q, chị Trần Thị T có Q yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000179 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Không Vũ Q phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5]. Về Q kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Không Vũ Q được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: x ngày 09/11/2017)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

